

Ngày	12,300 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-8.2%	-15.8%	-18.3%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	11,920 - 18,553
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	121
Số lượng CPLH (CP)	9,830,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	25,670
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.33
EPS	1,004
P/E	12.2

DT thuần

Q1/24

66.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.20 | 12.2%

YoY: ▲ 2.70 | 4.2%

LN trước thuế

Q1/24

2.14

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.84 | -46.2%

YoY: ▼0.54 | -20.1%

LN sau thuế

Q1/24

1.70

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.46 | -46.3%

YoY: ▼0.43 | -20.3%

ROA

2023

2.9%

+/- YoY: ▲ 0.5%

DT thuần

2023

249

tỷ VNĐ

YoY: ▼241 | -49.1%

LN trước thuế

2023

12.9

tỷ VNĐ

LN sau thuế

2023

10.3

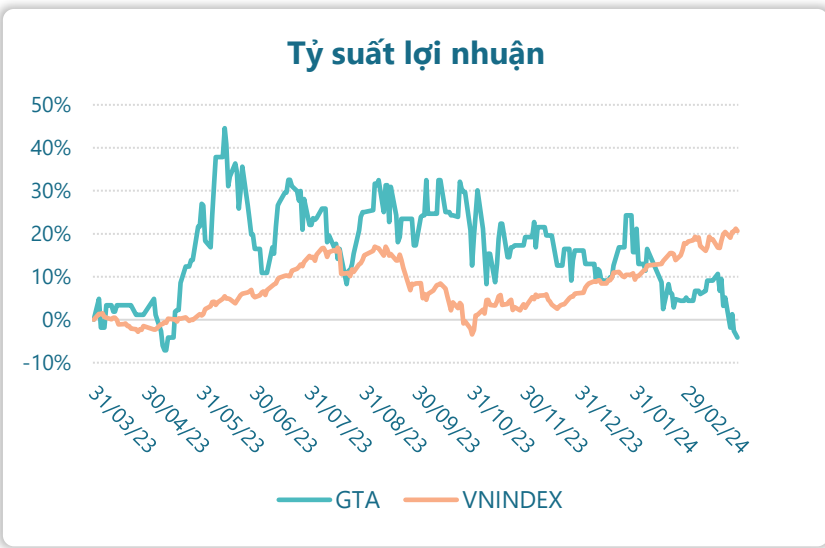
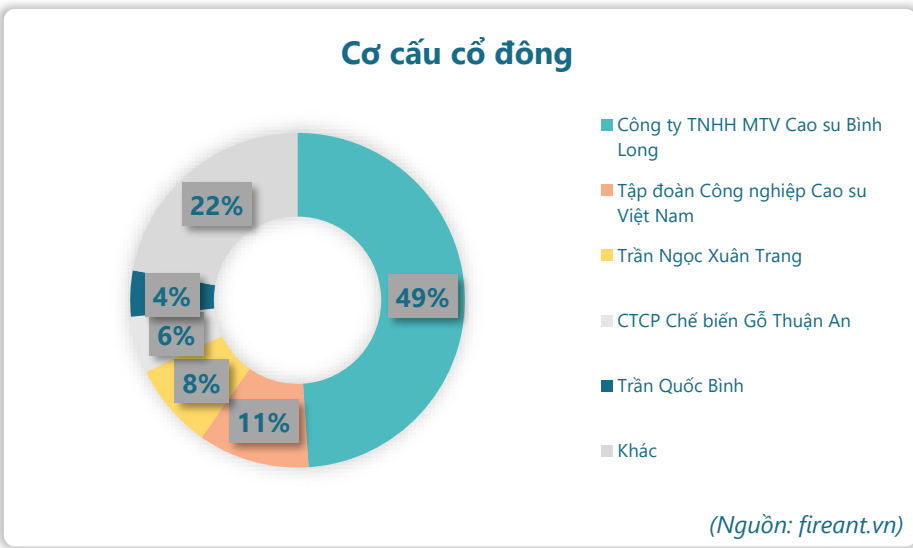
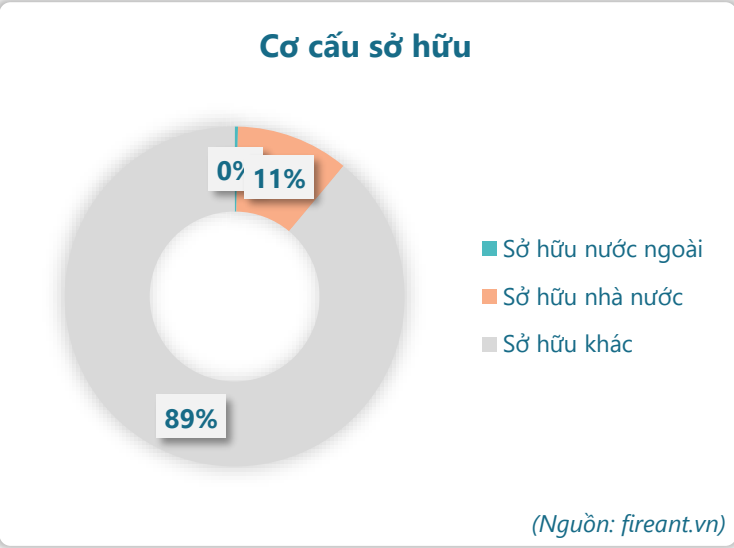
tỷ VNĐ

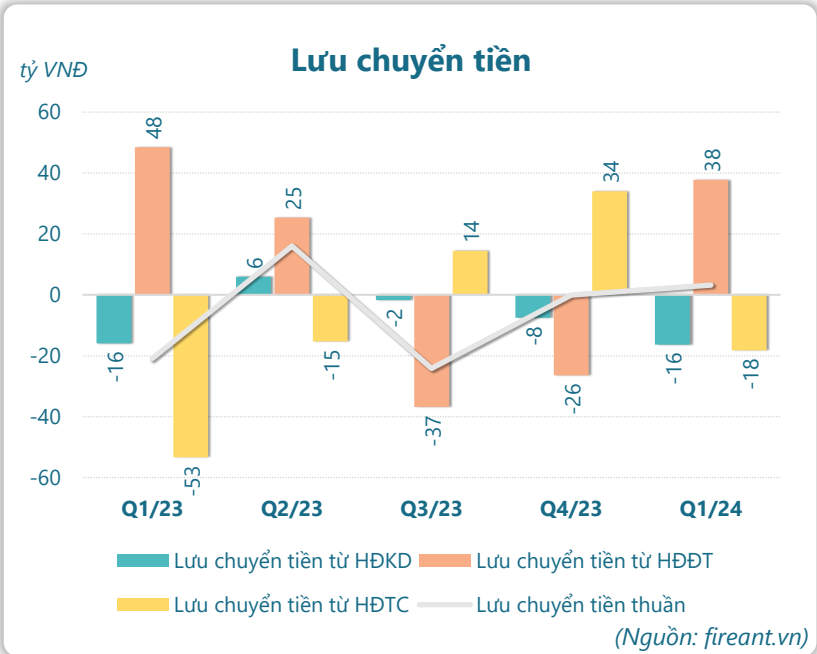
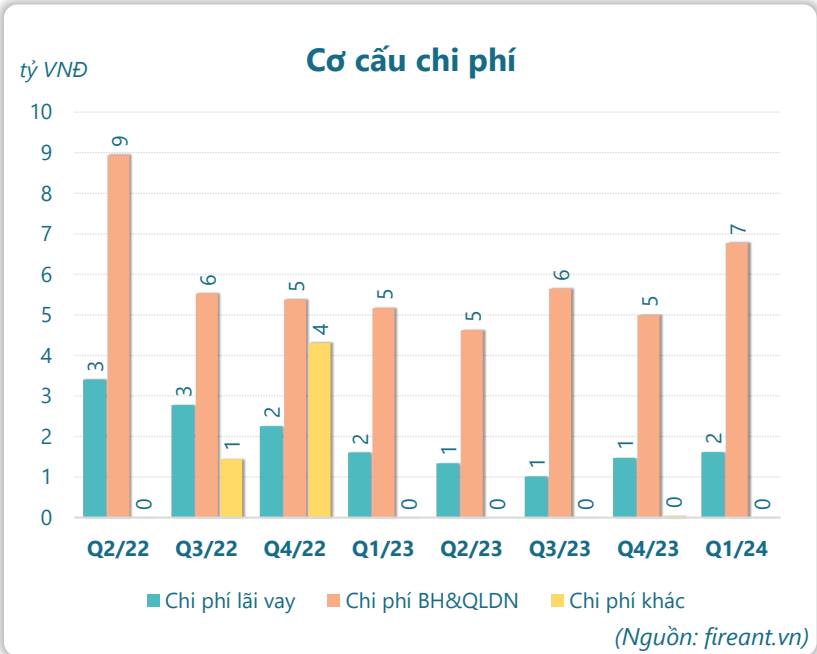
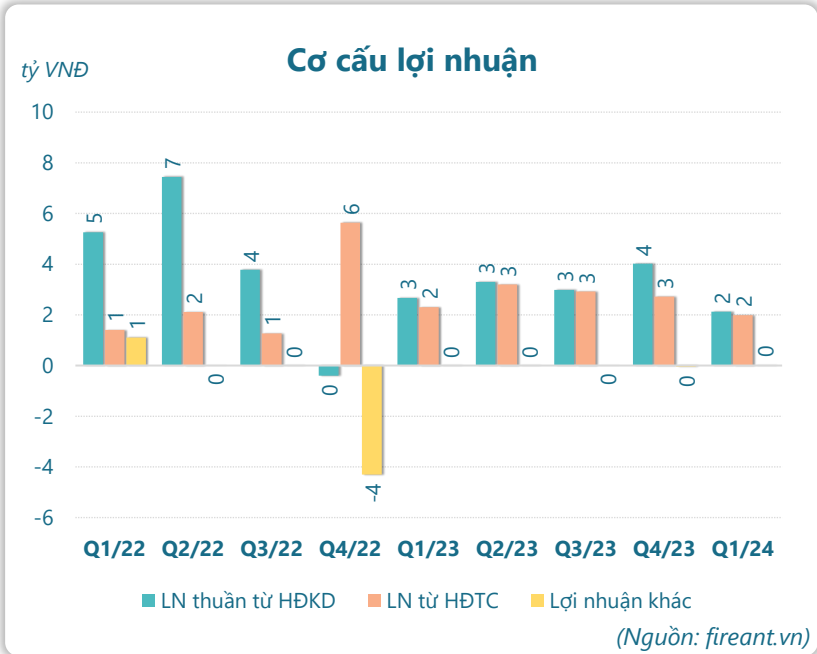
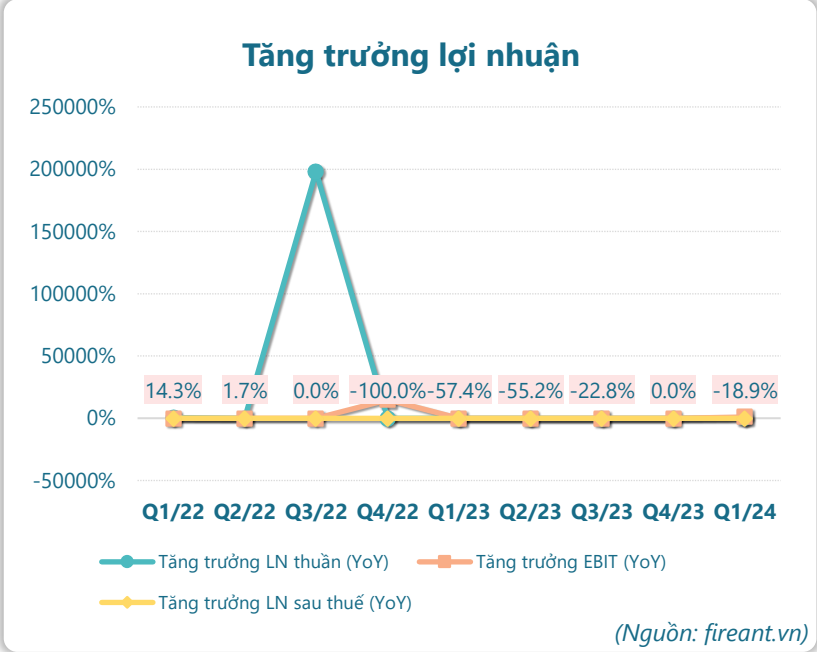
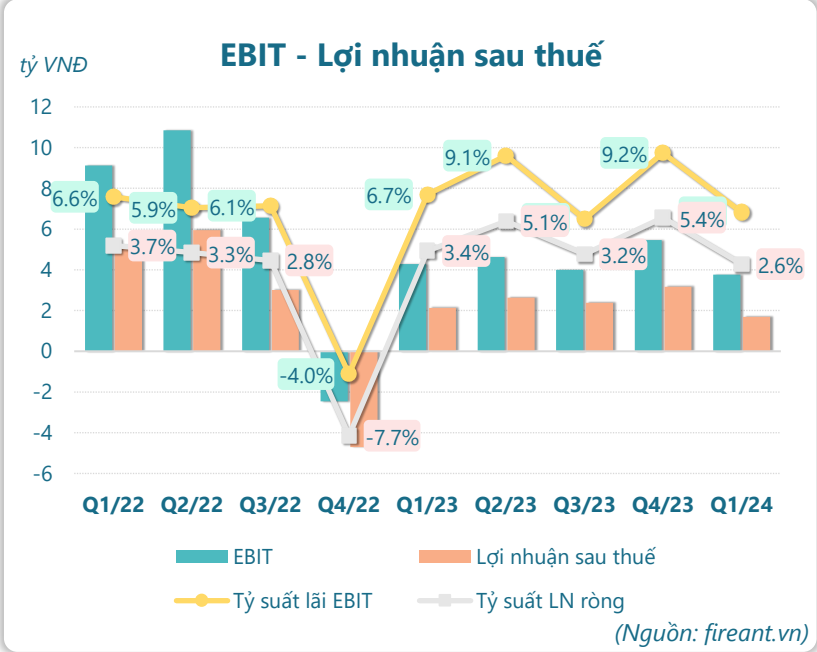
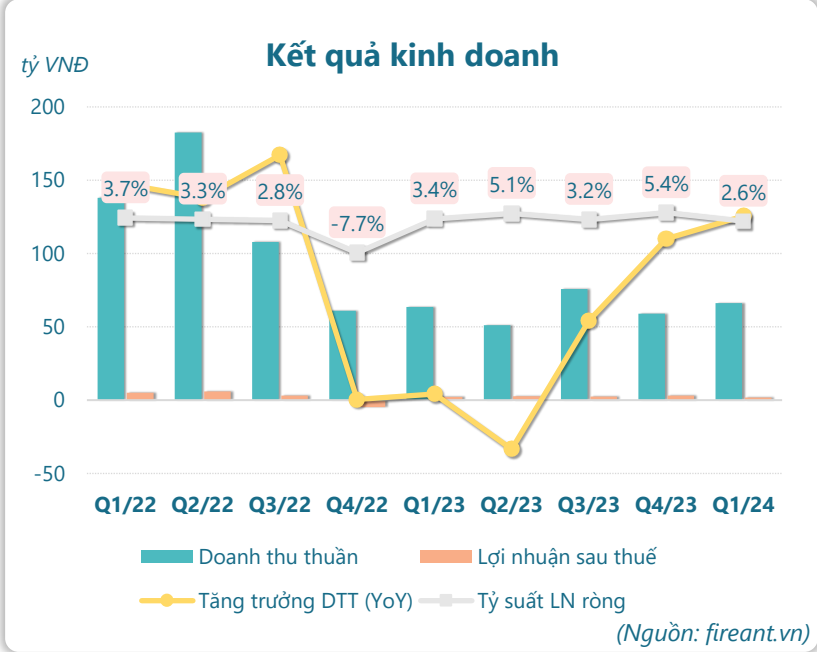
ROE

2023

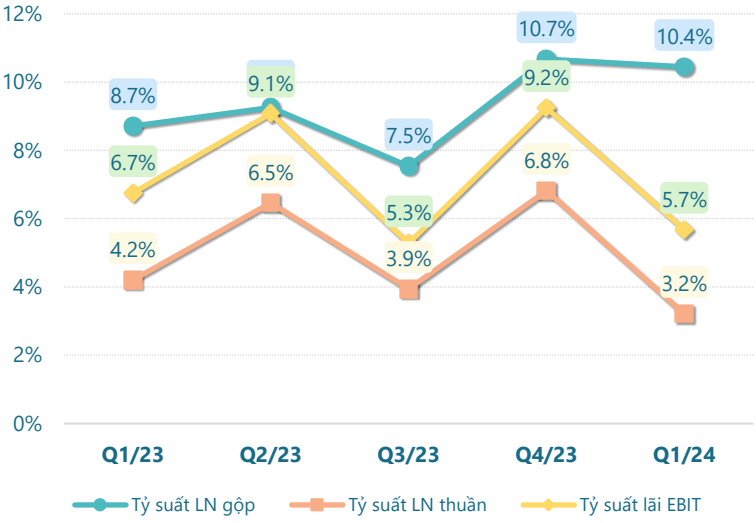
6.3%

+/- YoY: ▲ 0.1%



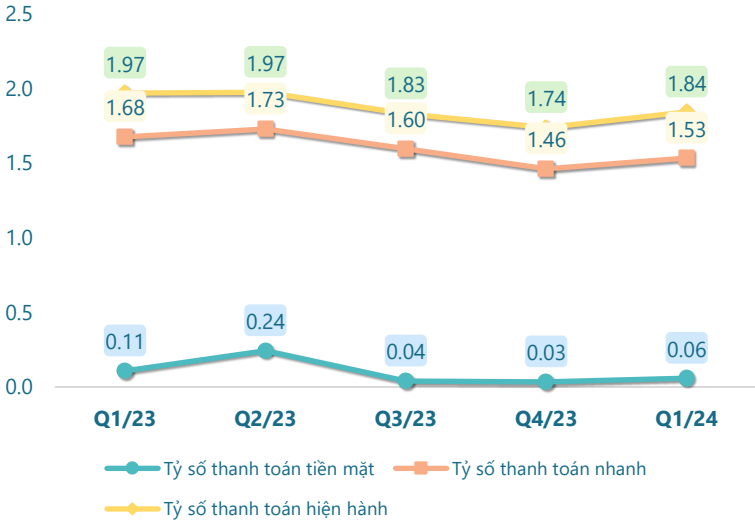


Tỷ suất lợi nhuận



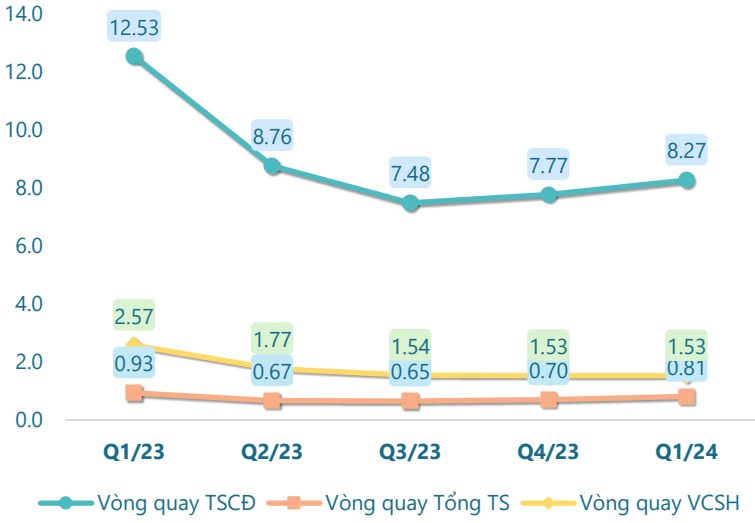
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



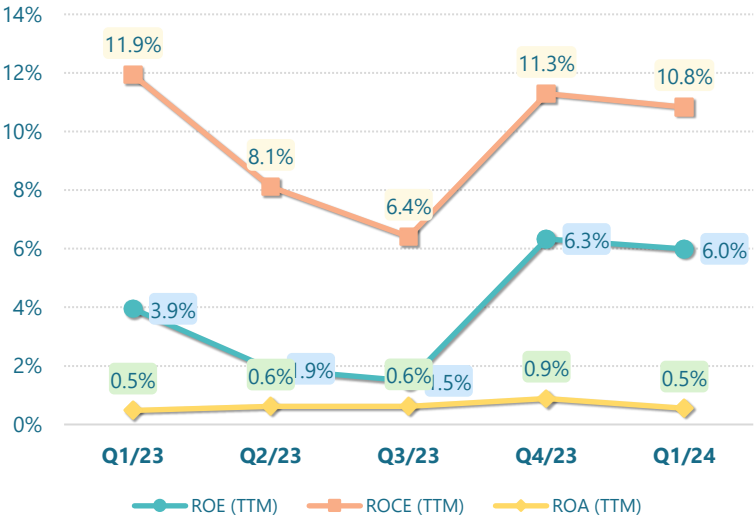
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



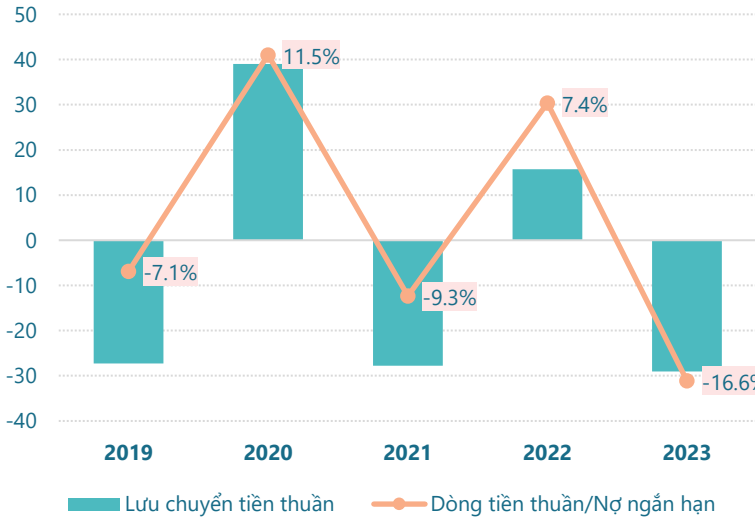
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



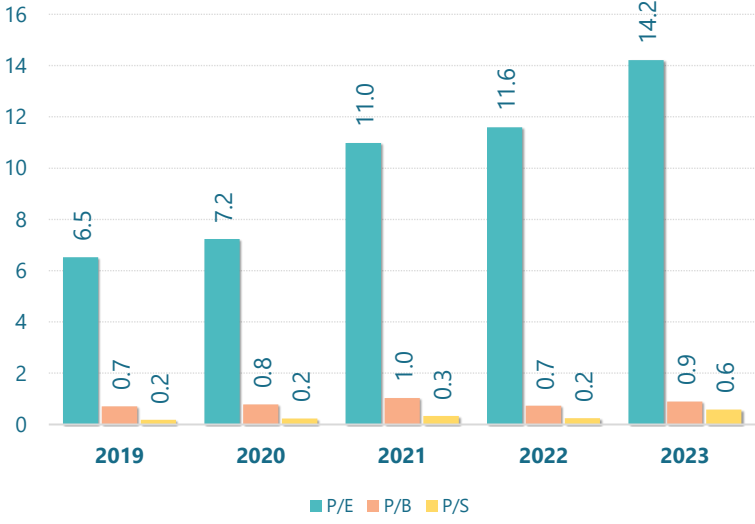
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)